

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/KDTM-PT

Ngày 25-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Hà

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Nguyễn Xuân Tuyến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP QTVN (viết tắt là VIB); địa chỉ: Tầng 1 + 2 tòa nhà X, số 111 P, phường BN, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh;

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Vũ Tiên B, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP QTVN (theo Văn bản ủy quyền số 11346.20 ngày 16/3/2020); có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Trần Văn X, là đại diện Chủ hộ kinh doanh cá thể Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H; cùng cư trú tại: Thôn AT, xã AL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; ông X vắng mặt, bà H có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đồng Xuân D và bà Trịnh Thị N; cùng cư trú tại: Thôn ĐC, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; ông D, bà N đều vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng TMCP QTVN - là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP QTVN và ông Trần Văn X, bà Hoàng Thị Hồng H cùng ký Hợp đồng tín dụng (viết tắt là HĐTD) số 495/HDDTD-VIB32/11 ngày 13/6/2011, theo đó thể hiện số tiền vợ chồng ông X và bà H được duyệt vay là 1.000.000.000 đồng, số tiền được giải ngân là 1.000.000.000 đồng theo các Khế ước nhận nợ số 495.03/KUNN1-VIB32/11 ngày 14/12/2011, Khế ước nhận nợ số 495.04/KUNN1-VIB32/11 ngày 29/5/2012, mục đích giải ngân là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh đồ sơ sinh các loại, thời hạn vay theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ, phương thức trả: Trả nợ gốc thời hạn trả nợ gốc của từng món vay không quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ của mỗi khế ước; trả lãi vào ngày 01 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng ông X, bà H đã dùng tài sản của người thứ ba để bảo đảm, đó là:

- Quyền sử dụng diện tích 216,5m<sup>2</sup> đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 176(5), tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất tại thôn ĐC, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số AQ 197536 vào sổ cấp Giấy chứng nhận số H/0291 do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện TN cấp ngày 30/11/2009 cho ông Đồng Xuân D, tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp (viết tắt là HĐTC) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 3925.CVN/2010.TCQSĐĐ&TA, quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng AP, thành phố Hải Phòng công chứng ngày 09/6/2010 và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật;

- Quyền sử dụng diện tích 100m<sup>2</sup> đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 1448, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất tại thôn Z, xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ số BB 596968 do UBND huyện TN cấp ngày 10/5/2010 cho bà Bùi Thị C, tài sản bảo đảm này được thế chấp tại VIB theo HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 3924.CVN/2010.TCQSĐĐ&TS, quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD do văn phòng công chứng AP thành phố Hải Phòng công chứng ngày 09/6/2010 và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng do vợ chồng ông X, bà

H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung thỏa thuận tại HĐTD và các Khế ước nhận nợ nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển quá hạn từ ngày 14/6/2012. Đến ngày 05/12/2017 được sự đồng ý của VIB, ông X, bà H và bà C đã nộp vào VIB số tiền 600.000.000 đồng để giải chấp tài sản bất động sản là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất số công chứng 3924.CVN/2010.TCQSDĐ&TS, quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng AP, thành phố Hải Phòng công chứng ngày 09/6/2010, toàn bộ số tiền 600.000.000 đồng được trừ vào nợ gốc của khoản vay. Như vậy, tổng số tiền ông X, bà H đã trả cho VIB là 696.987.518 đồng (trong đó, nợ gốc là 634.325.201 đồng, nợ lãi đã trả là 103.326.390 đồng). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H còn nợ VIB tổng số tiền là 2.055.749.366 đồng (trong đó, nợ gốc là 365.674.799 đồng, lãi trong hạn là 41.222.220 đồng, lãi quá hạn là 1.648.852.347 đồng). Nay, Ngân hàng VIB khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông X, bà H phải trả cho VIB toàn bộ số tiền gốc và lãi nói trên theo quy định của pháp luật và toàn bộ tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại HĐTD, Khế ước nhận nợ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt điểm nợ. Nếu ông X, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc và lãi nói trên thì đề nghị Tòa án tuyên phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo nội dung HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 3925.CVN/2010.TCQSDĐ&TA, quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng AP, thành phố Hải Phòng công chứng ngày 09/6/2010 mà các bên đã ký kết.

*Bị đơn là bà Hoàng Thị Hồng H và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Văn X có quan điểm trình bày:*

Bà H là vợ của ông Trần Văn X, vào năm 2011 vợ chồng bà cần vốn để làm ăn nên có ký HĐTD với VIB để vay số tiền là 1.000.000.000 đồng và đã được VIB chấp nhận giải ngân cho vay số tiền 1.000.000.000 đồng thông qua 03 khế ước nhận nợ như phía đại diện VIB trình bày là đúng, chồng bà là ông Trần Văn X là người trực tiếp ký nhận các khế ước nhận nợ. Để đảm bảo cho khoản vay trên của ông bà Ngân hàng đồng ý cho ông bà dùng tài sản của người thứ ba để thế chấp, tài sản đó là: Quyền sử dụng diện tích 216,5m<sup>2</sup> đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất tại thôn ĐC, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng, chủ sử dụng là ông Đồng Xuân D và Quyền sử dụng diện tích 100m<sup>2</sup> đất và tài sản gắn liền với thửa đất, địa chỉ tại thôn Z, xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng, chủ sử dụng là bà Bùi Thị C. Vợ chồng ông D, bà N có quan hệ họ hàng với vợ chồng bà và bà Bùi Thị C là mẹ đẻ của bà H, vì tin tưởng mối quan hệ gia đình làm ăn nên vợ chồng ông D và bà C mới đứng ra ký HĐTC với VIB để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng ông X, bà H. Quá trình thực hiện hợp đồng, do làm ăn khó khăn nên vợ chồng và không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho VIB được. Khoảng năm 2017, do nhiều lần VIB đôn đốc và được sự đồng ý của bà Bùi Thị C (mẹ đẻ bà H) đã bán tài sản nhà đất tại thôn Z, xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng và đã trả được nợ cho VIB khoảng hơn 600.000.000 đồng tiền gốc vay, đến nay vì điều kiện khó

khẩn nên vợ chồng bà không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho VIB. Nay VIB khởi kiện vợ chồng bà đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ cho VIB toàn bộ khoản nợ gốc còn thiếu và đề nghị VIB xem xét miễn, giảm tiền lãi vay. Vợ chồng bà H, ông X không đồng ý phát mại tài sản của vợ chồng ông D, bà N vì đây không phải là tài sản của vợ chồng bà. Tại phiên tòa, bà H trình bày khi làm thủ tục giải chấp tài sản của bà Bùi Thị C, vợ chồng ông D, bà N không biết và không được bà cũng như đại diện VIB và bà C báo cho biết, nay bà đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng bà và vợ chồng ông D, bà N. Vì điều kiện khó khăn, bà H đề nghị phía VIB để vợ chồng bà trả nợ dần và miễn, giảm tiền lãi vợ chồng bà xin được trả 200.000.000 đồng tiền lãi.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đồng Xuân D và vợ là Trịnh Thị N trình bày:*

Do mối quan hệ gia đình họ hàng, nên vào năm 2009 vợ chồng ông có đứng ra ký HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 468.02/2010/BĐ, ngày 08/6/2010 với VIB để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H. Tài sản thế chấp là QSDĐ tại thửa đất số 176(5), tờ bản đồ số 03, diện tích đất 216,5 m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại thôn ĐC, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện TN cấp GCNQSDĐ số AQ 197536, vào sổ cấp GCN số H/0291, ngày 30/11/2009 cho ông Đồng Xuân D. Nay vì điều kiện làm ăn khó khăn vợ chồng ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H không thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho VIB theo nội dung HĐTD mà ông X, bà H đã kí kết với VIB quan điểm của vợ chồng ông D là:

Thứ nhất, vợ chồng ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập của Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông đã được Tòa án cho xem toàn bộ các tài liệu, chứng cứ do đại diện VIB giao nộp cho Tòa án khi khởi kiện, vợ chồng ông D nhận thấy tại thời điểm làm thủ tục thế chấp tài sản, VIB đã tiến hành thẩm định tài sản và có Biên bản định giá lại tài sản đảm bảo tiền vay ngày 06/6/2011 do đại diện VIB làm tuy nhiên vợ chồng ông là chủ tài sản thế chấp lại không có mặt, không ký tên vào biên bản định giá tài sản không biết giá trị cụ thể tài sản của mình tại thời điểm thế chấp là bao nhiêu bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông X, bà H như thế nào.

Thứ hai, khi vợ chồng ông ký HĐTC hoàn toàn không đọc nội dung mà chỉ ký theo chỉ dẫn của cán bộ Ngân hàng đến nay phần trang đầu của HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 469.02/2010/BĐ, ngày 08/6/2010 không phải là họ tên của vợ chồng ông nhưng do vợ chồng ông không được đọc nội dung nên cũng không biết đó không phải là họ, tên mình nhưng vẫn ký vào cuối HĐTC.

Thứ ba, tại khoản 2 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp đã nêu rõ "... VIB đồng ý cho bên vay, vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là 350.000.000 đồng...". Như vậy theo chúng tôi hiểu rằng tài sản đứng tên vợ chồng ông đã được thế chấp cho VIB tại thời điểm thế chấp VIB chỉ cho vay số tiền gốc cao nhất là 350.000.000

đồng, đến nay do ông X, bà H không trả được nợ đầy đủ cho VIB lý do tại sao VIB yêu cầu tuyên xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng ông (theo nội dung thông báo thụ lý vụ án thì tài sản của vợ chồng ông phải đảm bảo cho toàn bộ khoản nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 02/3/2020 là 1.996.072.911 đồng (trong đó số tiền gốc là 365.674.799 đồng, lãi trong hạn là 42.222.220 đồng, lãi quá hạn là 1.589.175.892 đồng) để đảm bảo cho toàn bộ khoản vay nợ của vợ chồng ông X, bà H là không đúng, đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng ông.

Thứ tư, vợ chồng ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật buộc vợ chồng ông X, bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho VIB toàn bộ số nợ gốc và lãi theo nội dung HĐTD mà ông X, bà H đã ký kết với VIB vì vợ chồng ông D, bà N không phải là người được sử dụng khoản vay, và đề nghị VIB tạo điều kiện xem xét miễn, giảm lãi để vợ chồng ông X, bà H có điều kiện trả nợ cho VIB. Vợ chồng ông không đồng ý phát mại toàn bộ tài sản đã ký kết với VIB vì đó là nơi ở duy nhất của gia đình ông, bà. Khoảng năm 2012 (vợ chồng ông không nhớ rõ, ngày, tháng) vì điều kiện nơi ở không có nên ông D, bà N có vay mượn của anh em trong gia đình, bạn bè xây dựng ngôi nhà và công trình như hiện nay trên thửa đất đã thế chấp cho VIB và đã được Tòa án xem xét thẩm định tài sản, toàn bộ tài sản nhà ở và các công trình xây dựng trên đất do ông D, bà N làm nên không có công sức đóng góp của ai khác, các con chung hiện nay còn nhỏ đang đi học không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của ông bà.

*Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:* Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã căn cứ Điều 30, 35, 39, 91, 92, 97, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 280, khoản 1 Điều 281, 318, 319, 320, 342, 355, 361, 362 và các Điều 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, 463, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VIB buộc ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.055.749.366 đồng, cụ thể nợ gốc là 365.674.799 đồng, lãi trong hạn là 41.222.220 đồng, lãi quá hạn là 1.648.852.347 đồng. Trong đó, khoản nợ có tài sản đảm bảo của vợ chồng ông Đồng Xuân D và bà Trịnh Thị N tại HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 3925.CVN/2010.TCQSĐĐ&TA, quyển số 03.TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng AP, thành phố Hải Phòng công chứng ngày 09/6/2010 là 1.090.512.500 đồng, bao gồm nợ gốc là 350.000.000 đồng; lãi quá hạn là 740.512.500 đồng và khoản nợ không có tài sản đảm bảo là 965.236.866 đồng, bao

gồm nợ gốc là 15.000.000 đồng, lãi trong hạn là 41.222.220 đồng, lãi quá hạn là 909.014.646 đồng tại HĐTD số 495/HDDTD-VIB32/11 ngày 13/6/2011 và các Khế ước nhận nợ số 495.03/KUNN1-VIB32/11 ngày 14/12/2011, Khế ước nhận nợ số 495.04/KUNN1-VIB32/11 ngày 23/5/2012 và Khế ước nhận nợ 495.05/KUNN1-VIB32/11 ngày 29/5/2012. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong trường hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về xử lý tài sản thế chấp trường hợp ông Trần Văn X, bà Hoàng Thị Hồng H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho VIB toàn bộ khoản nợ 1.090.512.500 đồng và toàn bộ khoản tiền lãi phát sinh theo HĐTD mà hai bên đã ký kết thì VIB có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng diện tích 216,5m<sup>2</sup> đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 176(5), tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất tại thôn ĐC, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ số AQ 197536 vào sổ cấp Giấy chứng nhận số H/0291 do UBND huyện TN cấp ngày 30/11/2009 cho ông Đồng Xuân D tại HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 3925.CVN/2010.TCQSDĐ&TA, quyển số 03.TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng AP, thành phố Hải Phòng công chứng ngày 09/6/2010.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại tài sản không đủ thanh toán cho khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản của ông Đồng Xuân D và bà Trịnh Thị N thì ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn nợ cho VIB đến khi thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ. Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H còn nợ (khoản nợ có tài sản đảm bảo) thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản vay được trả lại cho người thế chấp tài sản là ông Đồng Xuân D và bà Trịnh Thị N.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Nội dung kháng cáo:* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2020, Tòa án nhân dân huyện TN nhận được Đơn kháng cáo của VIB đề ngày 05/10/2020 với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của VIB.

Tại Biên bản làm việc ngày 02/3/2021, VIB trình bày: Đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn (gồm

nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn), nhưng không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc phân chia khoản nợ thành 2 khoản (1 khoản nợ có tài sản đảm bảo và 1 khoản nợ không có tài sản đảm bảo). Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần nội dung kháng cáo, theo đó nguyên đơn chỉ kháng cáo phần xử lý tài sản thế chấp và phân tách nghĩa vụ trả nợ làm 2 phần.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện hợp pháp của VIB xuất trình bổ sung một số tài liệu, cụ thể: Quyết định xuất kho hồ sơ và giá trị tài sản bảo đảm tiền vay ngày 05/12/2017; Đơn đề nghị về việc trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 03 phiếu thu nợ, đơn đề nghị giải chấp tài sản của bà Bùi Thị C.

Người đại diện hợp pháp của VIB trình bày quan điểm: Ngân hàng không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc phân chia khoản nợ thành 2 khoản (01 khoản nợ có tài sản đảm bảo và 01 khoản nợ không có tài sản đảm bảo) và xử lý tài sản; bởi lẽ: Khoản 3 Điều 1 Hợp đồng thế chấp đã quy định rõ, tài sản thế chấp không chỉ đảm bảo cho khoản vay 350.000.000 đồng mà còn cho toàn bộ các khoản vay của bà H, ông X tại VIB. Ngoài ra, theo các tài liệu do VIB cung cấp thể hiện ông X đã có đơn đề nghị rút 01 tài sản đảm bảo (là tài sản của bà Bùi Thị C) và việc giải chấp tài sản của bà C là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Hoàng Thị Hồng H trình bày quan điểm: Vợ chồng ông, bà đã có đơn đề nghị giải chấp 01 tài sản đảm bảo là tài sản của bà Bùi Thị C (mẹ đẻ của bà H), đơn đề nghị do bà H là người viết, tuy nhiên mới chỉ trả được một phần nợ. Hiện nay, hoàn cảnh gia đình bà H, ông X rất khó khăn, không có khả năng trả nợ ngay. Ông, bà không đồng ý phát mại tài sản của ông D, bà N do đây không phải là tài sản của ông bà và HĐTC cũng quy định chỉ đảm bảo cho khoản vay cao nhất là 350.000.000 đồng.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về kháng cáo:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: VIB yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bị đơn là vợ chồng ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VIB tổng số tiền gốc và lãi vay của HĐTD số 495/HĐTD1-VIB32/11 ngày 13/6/2011 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.055.749.366 đồng; trong đó: Nợ gốc là 365.674.799 đồng, lãi trong hạn là 41.222.220 đồng, lãi quá hạn là 1.648.852.347 đồng. Nếu bị đơn không trả được thì VIB có quyền phát mại tài sản để thu hồi nợ là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 176(5), tờ

bản đồ số 03, địa chỉ thôn CĐ, xã HĐ, huyện TN, GCNQSDĐ đất số AQ 197536 do UBND huyện TN cấp ngày 30/11/2009 cho ông Đồng Xuân D. Bản án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu đòi nợ của VIB là 2.055.749.366 đồng, tuy nhiên Bản án chỉ chấp nhận phát mại tài sản trên để trả cho số tiền nợ là 1.090.512.500 đồng; trong đó: Nợ gốc là 350.000.000 đồng, lãi quá hạn là 740.512.500 đồng; số tiền còn lại 965.236.866 đồng không có tài sản đảm bảo. Việc Bản án sơ thẩm như trên là không có căn cứ, bởi lẽ:

Thứ nhất, HĐTC số 469.02/2010/BĐ ngày 08/06/2010 được ký giữa Ngân hàng với ông Đồng Xuân D và vợ là bà Trịnh Thị N, tại khoản 2 Điều 1 có thỏa thuận: “Hai bên nhất trí rằng với tài sản này, VIB đồng ý cho bên vay tổng số tiền nợ gốc cao nhất là 350.000.000 đồng”. Tuy nhiên, tại khoản 3 của Điều này, các bên có thỏa thuận: “Tài sản được đảm bảo/nhưng không giới hạn đảm bảo chỉ cho khoản vay nêu trên. Phần giá trị chênh lệch thừa (nếu có) giữa giá trị tài sản đảm bảo và tổng các nghĩa vụ trả nợ nêu tại khoản 1 Điều này được đảm bảo cho các nghĩa vụ trả nợ khác của bên vay cho VIB.” Thỏa thuận này phải được hiểu là ngoài việc đảm bảo cho khoản nợ gốc và lãi quá hạn của số tiền vay 350.000.000 đồng thì tài sản đảm bảo còn phải có nghĩa vụ bảo đảm cho các khoản nợ khác của bên vay vốn đối với VIB. Như vậy, khi phát mại tài sản nói trên của ông D để thu hồi nợ gốc và lãi quá hạn cho số tiền vay 350.000.000 đồng, nếu còn thừa thì phải trả tiếp cho các nghĩa vụ trả nợ khác của bên vay đang nợ Ngân hàng. Hơn nữa, tại khoản 1 Điều 1 HĐTC các bên thỏa thuận tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ là nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn... Bản án sơ thẩm tuyên tài sản thế chấp chỉ đảm bảo cho khoản vay gốc và lãi quá hạn mà không đảm bảo cho khoản lãi trong hạn của số tiền vay 350.000.000 đồng là cũng không đúng với thỏa thuận trên. Kiểm sát viên xác định số tiền lãi trong hạn này là 38.689.583 đồng.

Thứ hai, số tiền lãi quá hạn 740.512.500 đồng của số tiền vay 350.000.000 đồng mà Bản án sơ thẩm tính cũng không đúng. Theo cách tính của Kiểm sát viên thì tổng số tiền lãi quá hạn này phải là 794.850.000 đồng, chênh lệch so với Bản án tính là 54.337.500 đồng. Việc Bản án sơ thẩm tuyên như trên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng cần phải được sửa lại ở cấp phúc thẩm. Do vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TN.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kháng cáo của nguyên đơn, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*- Về thủ tục tố tụng:*



[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại, tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Bị đơn là ông Trần Văn X, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đồng Xuân D và bà Trịnh Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần nội dung kháng cáo, không kháng cáo về nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi mà chỉ kháng cáo phần xử lý tài sản thế chấp và phân tách nghĩa vụ trả nợ làm 2 phần. Xét việc thay đổi nội dung kháng cáo của nguyên đơn không vượt quá phạm vi kháng cáo, căn cứ Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

*- Xét kháng cáo của nguyên đơn:*

[4] Về số tiền nợ gốc và lãi: Tòa án cấp sơ thẩm tính tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là có căn cứ, nguyên đơn và bị đơn đều không có ý kiến về số tiền này.

[5] Về việc VIB giải chấp tài sản đảm bảo của bà Bùi Thị C: Tại phiên tòa phúc thẩm VIB nộp bổ sung một số tài liệu, trong đó có 01 đơn đề nghị ngày 01/11/2017 của người vay là ông Trần Văn X về việc đề nghị được giải chấp thửa đất số 1448, tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất tại thôn Z, xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ số BB 596968 do UBND huyện TN cấp ngày 10/5/2010 cho bà Bùi Thị C. Tại phiên tòa bà H thừa nhận bà là người viết đơn, do đó bà Bùi Thị C, Ngân hàng đã làm thủ tục giải chấp 01 tài sản đảm bảo mang tên bà Bùi Thị C, việc giải chấp của Ngân hàng là có căn cứ và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[6] Xét kháng cáo của VIB về việc phân chia khoản nợ thành khoản nợ có đảm bảo và khoản nợ không có đảm bảo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (của bên thứ ba) số 469.02/2010/BĐ ngày 08/06/2010 được ký kết giữa VIB, ông Đồng Xuân D và bà Trịnh Thị N, ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H. HĐTC này được ký kết bởi người có thẩm quyền, đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, đã được Công chứng, chứng thực theo quy định. Mặc dù HĐTC này tại các trang có đánh máy nhầm họ tên của bà N nhưng bà N đã ký và ghi rõ họ tên ở trang cuối, như vậy thể hiện bà N và ông D hoàn toàn đồng ý thế chấp tài sản của mình tại VIB để đảm bảo cho khoản vay của ông X và bà H, nên buộc các bên phải thực hiện theo quy định của pháp luật. Theo Điều 1 của HĐTC số 469.02/2010/BĐ ngày 08/06/2010, các bên có thỏa thuận:

*“1. Bên thế chấp đồng ý thế chấp những tài sản của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với VIB (bên nhận thế chấp), bao gồm: tiền vay (nợ gốc), lãi vay, lãi quá hạn, chi phí xử lý tài sản thế chấp, các khoản chi phí khác theo Hợp đồng tín dụng, các Phụ lục kèm theo, Hợp đồng bảo lãnh, LC và các nghĩa vụ khác của Bên vay tại VIB được ký giữa các bên trong khoảng thời gian từ ngày 08/06/2010 đến ngày 31/12/2020.*

*2. Hai bên nhất trí rằng với tài sản này, VIB đồng ý cho bên vay vay tổng số tiền (nợ gốc) cao nhất là 350.000.000 đồng*

*3. Tài sản này được đảm bảo/nhưng không giới hạn đảm bảo chỉ cho khoản vay nêu trên. Phần giá trị chênh lệch thừa (nếu có) giữa giá trị tài sản đảm bảo và tổng các nghĩa vụ trả nợ nêu tại khoản 1 Điều này được đảm bảo cho toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ khác của Bên vay cho VIB”.*

[8] Theo đó, mặc dù các bên có thỏa thuận khoản vay cao nhất mà VIB cho vay đối với tài sản đảm bảo này là 350.000.000 đồng nhưng các bên cũng đã thống nhất thỏa thuận, tài sản thế chấp dùng để đảm bảo không chỉ cho khoản nợ gốc là 350.000.000 đồng mà cho toàn bộ nghĩa vụ dân sự của bên vay (ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H) tại VIB được ký giữa các bên trong khoảng thời gian từ ngày 08/6/2010 đến ngày 31/12/2020. HĐTD số 495/HĐTD1-VIB32/11 ngày 13/06/2011 với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng phát sinh trong khoảng thời gian nêu trên nên theo thỏa thuận, tài sản thế chấp trên phải đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi và các chi phí phát sinh từ hợp đồng tín dụng này. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản thế chấp là Quyền sử dụng diện tích 216,5m<sup>2</sup> đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 176(5), tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất tại thôn ĐC, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 197536 vào sổ cấp Giấy chứng nhận số H/0291 do UBND huyện TN cấp ngày 30/11/2009 cho ông Đồng Xuân D chỉ đảm bảo cho khoản vay nợ gốc cao nhất là 350.000.000 đồng và các khoản lãi phát sinh từ số tiền này là không phù hợp với thỏa thuận của các bên. Từ phân tích trên Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc nghĩa vụ trả nợ của bị đơn, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ xác định chung số nợ gốc và lãi mà bị đơn phải thanh toán cho VIB mà không tách thành khoản nợ có tài sản đảm bảo và khoản nợ không có tài sản đảm bảo.

[9] Về xử lý tài sản thế chấp: Theo HĐTC số 469.02/2010/BĐ ngày 08/06/2010 thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất 216,5m<sup>2</sup> đất tại thửa số 176 (5), tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thôn ĐC, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng theo Giấy CNQSDĐ số AQ 197536 vào sổ cấp GCNQSDĐ số H/02901 do UBND huyện TN cấp ngày 30/11/2009 cho ông Đồng Xuân D. Ngoài ra, phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích đất đã thế chấp sau khi ký Hợp đồng này cũng đều thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng. Theo đó, trên đất có tài sản là 01 nhà mái bằng xây 02 tầng kiên cố, công trình phụ khép kín

diện tích xây dựng 110,5m<sup>2</sup>; 01 lần tôn mạ màu, sân, cổng; toàn bộ tài sản này đều do ông D, bà N làm nên sau khi thế chấp Ngân hàng vào năm năm 2014, ngoài ra, không có ai khác có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của ông bà. Như vậy, toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đều thuộc tài sản thế chấp và đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của ông X, bà H phát sinh theo HĐTD số 495/HĐTD1-VIB32/11 ngày 13/06/2011. Việc Tòa cấp sơ thẩm tuyên phát mại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là có căn cứ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định cho một phần khoản nợ là chưa đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của đương sự. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm về việc xử lý tài sản thế chấp theo hướng nếu ông X, bà H không trả hoặc không trả đủ cho VIB các khoản tiền nợ theo HĐTD, khế ước nhận nợ đã ký kết nêu trên thì VIB có quyền yêu cầu phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Khi phát mại tài sản trên ông D bà N được quyền ưu tiên mua.

[10] Tại phiên tòa, nguyên đơn có cung cấp thêm một số tài liệu mới là căn cứ để giải quyết vụ án và là căn cứ để Hội đồng xét xử xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và sửa một phần Bản án sơ thẩm.

- *Về án phí kinh doanh thương mại*: Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Trần Văn X, bà Hoàng Thị Hồng H phải chịu 73.115.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. VIB không phải chịu tiền án phí.

[12] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 97, Điều 147, Điều 148, Điều 284, Điều 296, khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 122, Điều 280, khoản 1 Điều 281, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 342, Điều 355, Điều 361, Điều 362 và các Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 715, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, Điều 463, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm; Án lệ số 11/2017/AL về công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất;

Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP QTVN, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QTVN buộc ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2020 là 2.055.749.366 (*Hai tỷ không trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi sáu*) đồng (trong đó nợ gốc là 365.674.799 đồng, lãi trong hạn là 41.222.220 đồng, lãi quá hạn là 1.648.852.347 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong trường hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Trần Văn X, bà Hoàng Thị Hồng H không trả hoặc không trả đủ cho Ngân hàng TMCP QTVN toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết thì Ngân hàng TMCP QTVN có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

Toàn bộ Quyền sử dụng diện tích 216,5m<sup>2</sup> đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 176(5), tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất tại thôn ĐC, xã HĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 197536 vào sổ cấp Giấy chứng nhận số **H/0291** do UBND huyện TN cấp ngày 30/11/2009 cho ông Đồng Xuân D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 469.02/2010/BD ngày 08/06/2010, công chứng **3925.CVN/2010.TCQSĐĐ&TA**, quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng AP, thành phố Hải Phòng công chứng ngày 09/6/2010.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại tài sản không đủ thanh toán cho khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản của ông Đồng Xuân D và bà Trịnh Thị N thì ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP QTVN đến khi thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền ưu tiên mua tài sản phát mại.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị Hồng H phải nộp 73.115.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Trả lại cho Ngân hàng TMCP QTVN số tiền tạm ứng án phí 36.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000818 ngày 27/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ngân hàng TMCP QTVN không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP QTVN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002455 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện TN;
- TAND huyện TN;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Dương**

**Lương Thị Hải Hà**

**Vũ Thị Thu Hà**

